TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 96/2024/QĐST-DS	*Thành phố B, ngày 18 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 10/9/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sư thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số E, Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Võ Trần D**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo uỷ quyền của bà T.

+ Bị đơn: **Phạm Thanh T1**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thanh T1 đồng ý phần đất đang tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 24,3m^2, loại đất ở tại nông thôn (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc ngày 04/9/2024 là: Thửa 54A, diện tích 1,1m^2; Thửa số 31A, diện tích 14,1m^2; Thửa số 31E, diện tích 4,3m^2; Thửa số 31D, diện tích 4,8m^2) cùng tờ bản đồ số 54 tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất. Trên đất có một phần nhà, công trình kiến trúc hiện do do bà Phạm Thanh T1 đang quản lý, sử dụng.

2.2. Bà Phạm Thanh T1 được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất, nhà, công trình kiến trúc trên đất theo đo đạc thực tế có diện tích 26,3m^2, loại đất ở tại nông thôn (ký hiệu theo hồ sơ đo đạc ngày 04/9/2024 là: Thửa 54A, diện tích 1,1m^2; Thửa

số 31A, diện tích 14,1m^2; Thửa số 31E, diện tích 4,3m^2; Thửa số 31D, diện tích 4,8m^2; Thửa số 31B, diện tích 2,4m^2) do bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất hiện bà Phạm Thanh T1 đang quản lý, sử dụng.

2.3. Bà Phạm Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T giá trị quyền sử dụng của phần đất nêu trên số tiền là: 170.100.000 đồng (*Một trăm bảy chục triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị T nếu bà Phạm Thanh T1 chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.4. Bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thanh T1 thống nhất xác định ranh giới giữa thửa đất số 31 và thửa 54 là đường ranh theo hiện trạng sử dụng (từ điểm 12,13, 16, 11, 9, 8, 6, 7, 14, 1).

(*Phần đất có thể hiện theo hồ sơ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ngày 04/9/2024 kèm theo*).

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh quyền sử dụng đất: Thửa số 54A, diện tích 1,1m^2; Thửa số 31A, diện tích 14,1m^2; Thửa số 31E, diện tích 4,3m^2; Thửa số 31D, diện tích 4,8m^2; Thửa số 31B, diện tích 2,4m^2 loại đất ở tại nông thôn cùng tờ bản đồ số 54 tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre từ bà Nguyễn Thị T đứng tên quyền sử dụng đất sang cho bà Phạm Thanh T1 đứng tên quyền sử dụng đất sử dụng đất.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhập, tách phần đất: Thửa số 54A, thửa số 31A, thửa số 31E, thửa số 31D, thửa 31B (loại đất ở tại nông thôn) vào thửa đất số 54 cùng tờ bản đồ số 54 tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

2.5. Ghi nhận việc các đương sự không có tranh chấp hay yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với những chủ sử dụng đất liền kề khác.

2.6. Án phí, chi phí tố tụng:

- Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá và chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền là: 9.377.700 đồng. Bà Nguyễn Thị T và bà Phạm Thanh T1 mỗi người phải chịu là 4.688.850 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng*). Ghi nhận bà Nguyễn Thị T đã nộp xong. Do bà Nguyễn Thị T đã tạm ứng số tiền trên nên bà Phạm Thanh T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 4.688.850 đồng (*bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn tám trăm năm mươi đồng*).

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

+ Bà Phạm Thanh T1 tự nguyện chịu số tiền án phí là 300.000 đồng(*ba trăm nghìn đồng*).

+ Bà Nguyễn Thị T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000934 ngày 27/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng